

Số: 29/2019/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Xác định con

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Đình Nam - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên họp:
Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc: “Xác định con”, theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Lê Đức T (Le Duc T), sinh năm: 1970; Địa chỉ: Alandee St, Nashville TN 4, Hoa Kỳ, tạm trú: Tổ A, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (có đơn giải quyết vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Bùi Mỹ H, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ B, phường Q, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngày 22/12/2016, ông Lê Đức T và bà Huỳnh Bùi Mỹ H đăng ký kết hôn tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn ông T về Mỹ để làm việc. Vào ngày 30/9/2018, bà H sinh một bé gái tại bệnh viện, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, bà H đã làm giấy khai sinh cho con và đặt tên là Lê Thị Như U tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng. Vì có nhiều nghi ngờ nên ông T tự đi xét nghiệm ADN và kết quả là cháu Lê Thị Như U không cùng huyết thống cha con với ông. Do đó, ngày 13/3/2019 ông T và bà H đều có đơn yêu cầu Tòa án xác định cháu Lê Thị Như U không phải là con đẻ của ông Lê Đức T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Đức T (Le Duc T) có quốc tịch Hoa Kỳ, địa chỉ: Alandee st, Nashville TN 3, Hoa Kỳ, tạm trú tại: Tổ A, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng và bà Huỳnh Bùi Mỹ H có quốc tịch Việt Nam, cư trú tại: Tổ B, phường Q, quận S, thành phố Đà Nẵng, nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 10 Điều 29, khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 37 và Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 29/3/2019, ông Lê Đức T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt ông Lê Đức T.

[2] Về nội dung: Ngày 22/12/2016, ông Lê Đức T (Le Duc T) và bà Huỳnh Bùi Mỹ H đăng ký kết hôn tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng. Vào ngày 30/9/2018, bà Huỳnh Bùi Mỹ H sinh một bé gái. Ngày 11/3/2019, bà Huỳnh Bùi Mỹ H làm giấy khai sinh cho con, đặt tên là Lê Thị Như U và được UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp giấy khai sinh (số 13, đăng ký ngày 11/3/2019). Theo giấy khai sinh thì cha của cháu Lê Thị Như U là ông Lê Đức T và mẹ là bà Huỳnh Bùi Mỹ H. Ngày 13/3/2019, ông Lê Đức T và bà Huỳnh Bùi Mỹ H đều có đơn yêu cầu Tòa án xác định cháu Lê Thị Như U - sinh ngày 30/9/2018 không phải là con đẻ của ông Lê Đức T.

[3] Ngày 19/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thực hiện giám định ADN

(gen) xác định cháu Lê Thị Như U - sinh ngày 30/9/2018 có phải là con đẻ của bà Huỳnh Bùi Mỹ H với ông Lê Đức T hay không ?

[4] Tại Kết luận giám định số: 304/C09C(Đ5) ngày 02/4/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, thì cháu Lê Thị Như U là con đẻ của bà Huỳnh Bùi Mỹ H nhưng không phải con đẻ của ông Lê Đức T.

Do đó, xét yêu cầu của ông Lê Đức T và bà Huỳnh Bùi Mỹ H về việc xác định cháu Lê Thị Như U không phải con đẻ của ông Lê Đức T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 88 và khoản 2 Điều 89 của luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm ông T và bà H phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001672 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Đức T và bà Huỳnh Bùi Mỹ H đã nộp đủ lệ phí dân sự.

[6] Chi phí giám định là 4.680.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) ông Lê Đức T tự nguyện chịu; đã nộp và đã thanh toán xong cho Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng theo Phiếu thu số 09 ngày 02/4/2019.

[7] Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu về xác định con của ông Lê Đức T và bà Huỳnh Bùi Mỹ H, xác định cháu Lê Thị Như U không phải là con đẻ của ông Lê Đức T.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 367; khoản 10 Điều 29; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 161 và Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 88 và khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xác định con của ông Lê Đức T (Le Duc T) và bà Huỳnh Bùi Mỹ H.

- Xác định cháu Lê Thị Như U, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2018 không phải là con đẻ của ông Lê Đức T (Le Duc T).

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Đức T và bà Huỳnh Bùi Mỹ H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001672 ngày 13/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Đức T và bà Huỳnh Bùi Mỹ H đã nộp đủ lệ phí dân sự.

- Chi phí giám định là 4.680.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) ông Lê Đức T tự nguyện chịu, đã nộp và thanh toán xong cho Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng theo Phiếu thu số 09 ngày 02/4/2019.

- Bà Huỳnh Bùi Mỹ H có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Ông Lê Đức T không có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- UBND quận S;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng